TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI** **----------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **---------**
Số: 1364/2017/QĐST–HNGĐ	*B, ngày 29 tháng 11 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1962/2017/TLST/HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017 giữa:

+ **Nguyên đơn**: bà **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1970

Địa chỉ: 233B, tổ 39C, khu phố 11, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

+ **Bị đơn**: ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1967

Địa chỉ: 233B, tổ 39C, khu phố 11, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

+ **Nguyên đơn**: bà **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1970

Địa chỉ: 233B, tổ 39C, khu phố 11, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

+ **Bị đơn**: ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1967

Địa chỉ: 233B, tổ 39C, khu phố 11, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Văn N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: ông bà có 03 con chung: 1, Nguyễn Hoàng V – sinh ngày 11/8/1993, 2, Nguyễn Thị Mộng T1 – sinh ngày 29/8/1996, 3, Nguyễn Thị Anh T2 – sinh ngày 26/12/2004, các cháu V và T1 đã trưởng thành và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn giao cháu Nguyễn Thị Anh T2, sinh ngày 26/12/2004 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: bà Nguyễn Thị Thu T tự nguyện nộp 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí mà bà T đã nộp tại biên lai thu tiền số 002761 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Biên Hòa. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu T 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền dư.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Thẩm phán

Lê Thị Ký

Nơi nhận:
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Đương sự;
- VKSND TP B;
- UBND phường T (Số 16/1990)
- TAT, VP.
- THADS TP. B